

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM MỸ & ĐÀO TẠO KIM CƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM MỸ & ĐÀO TẠO KIM CƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIAMOND COSMETIC AND TRAINING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: COSMETIC AND TRAINING DIAMOND CO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108555254

3. Ngày thành lập: 24/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 66 ngõ 360 Xã Đàn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439683683

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
4.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo).	8230
6.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. (Căn cứ: Điều 154 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 61 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Điều 158 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 48 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)	7110
7.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
8.	Bán buôn thực phẩm	4632

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
12.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
13.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: - Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...).	9610(Chính)
14.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
15.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
17.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dò mìn, rà phá bom mìn và các hoạt động tương đương)	4312
18.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
19.	Sản xuất máy luyện kim	2823
20.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất thang máy	2824
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi.	4663
22.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
23.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
24.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
25.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
26.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
27.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn. (Căn cứ: Điều 64 Luật Du lịch 2005; Nghị định số 92/2007/NĐ-CP; Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)	5510
29.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

30.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
31.	Xây dựng công trình điện	4221
32.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
33.	Đại lý du lịch	7911
34.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
35.	Điều hành tua du lịch	7912
36.	Phá dỡ	4311
37.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
38.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
39.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
40.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phẫu thuật thẩm mỹ. (Căn cứ: Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)	8620
42.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
43.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ VIỆT HOA	Số 23, phố Cửa Đông, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	001171000095	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		

2	ĐINH THỊ MAI ANH	A8 T/T Đại học Giao Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	156.000	1.560.000.000	52,000	001175004725	
			Tổng số	156.000	1.560.000.000	52,000		
3	PHẠM HỮU HÙNG	Số 202 tầng 2 nhà 3 tầng TT TTXVN, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	84.000	840.000.000	28,000	013571522	
			Tổng số	84.000	840.000.000	28,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH THỊ MAI ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/03/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001175004725

Ngày cấp: 29/05/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A8 T/T Đại học Giao Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: A8 T/T Đại học Giao Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội